

VIETNAMESE FOR BUSY PEOPLE 1 – ANSWERS TO PRACTICES – **LESSON 5:**

Practice **5-1:** Please fill in the blanks with your own information. Cross out words not in use.

- |   |   |
|---|---|
| 1. Gia đình tôi có ____ người.          | 2. Cha mẹ tôi (có/không) đi làm.            |
| 3. Mẹ tôi là người _____.               | 4. Em út tôi là (traí/gái) (Please correct) |
| 5. Gia đình tôi gồm: (ông/bà/cha/mẹ...) | 6. Tôi không/có _____ chú (nào).            |
| 7. Tôi không/có _____ người cô.         | 8. Tôi có/không _____ anh/em cô cậu.        |
| 9. Con của hai chị em gọi nhau          | 10. Con của hai anh em.                     |
| 11. Con của anh và chị/em gọi nhau.     | 12. Con của người cha có hai đời vợ.        |
| 13. Con của người mẹ có hai đời chồng.  | 14. Cha của cha tôi là ông nội tôi.         |
| 15. Mẹ của mẹ tôi là bà ngoại tôi.      |   |

- Practice **5-2:**
- |  |                                      |
|--|--------------------------------------|
| 1. Ông ấy là cậu của tôi.                  | 2. Bà ấy là dì của tôi.              |
| 3. Ông ấy là bác tôi.                      | 4. Ông ấy là dượng của tôi.          |
| 5. Ông ấy là ông ngoại của tôi.            | 6. Bà ấy là cô của tôi.              |
| 7. Người ấy anh em cô cậu với tôi.         | 8. Bà ấy là mẹ tôi.                  |
| 9. Bà ấy là thím tôi.                      | 10. Chị ấy là chị em bạn dì với tôi. |
| 11. Anh ấy là anh em chú bác với tôi.      | 12. Ông ấy là ông ngoại của tôi.     |
| 13. Bà ấy là bà ngoại của tôi.             | 14. Người ấy là mẹ tôi.              |
| 15. Người ấy là cháu của tôi.              | 16. Ông ấy cũng kêu tôi bằng chú.    |
| 17. Ông ấy là cha vợ (hoặc dượng) của tôi. | 18. Tôi cũng gọi ông ấy bằng cậu.    |
| 19. Họ là chị em dâu.                      | 20. Họ là sui gia với nhau.          |
| 21. Người này và tôi là anh/chị em cô cậu. | 22. Mẹ nó và mẹ tôi là hai chị em.   |
| 23. Họ là cha mẹ của tôi.                  | 24. Hai bà ấy là chị em dâu.         |

Practice **5-3:** See Appendix iii – Scripts for Listening Practices.

Practice **5-4:** Gia đình chị Mai có bốn người. Chồng chị Mai đi làm. Chị Mai đi dạy. Hai con của chị Mai đi học. Người con trai của chị Mai sắp ra trường. Gia đình chị Mai thật hạnh phúc.

- Practice **5-6:**
- |  |                                   |
|--|-----------------------------------|
| 1. Bà ngoại tôi năm nay bảy mươi tuổi.         | 2. Cô tôi là người rất vui vẻ.    |
| 3. Hôm nay mẹ tôi không đi làm.                | 4. Anh tôi đang đi học.           |
| 5. Sang năm chị tôi ra trường.                 | 6. Hôm nay dì Ba tôi ở nhà.       |
| 7. Ông nội tôi năm nay đã già.                 | 8. Bà nội tôi rất thương cháu.    |
| 9. Bác anh ấy tên là Hoàng.                    | 10. Chú của chị ấy trông rất trẻ. |
| 11. Cô nó là mẹ tôi.                           | 12. Thím của tôi là cô của nó.    |
| 13. Cô nó là dì của tôi.                       | 14. Ông nội nó là ông ngoại tôi.  |
| 15. Tôi là con một. Tôi không có anh, chị, em. |                                   |

Practice **5-7:** Answer may vary. Here is an example:

*Gia đình tôi có năm người: tôi, vợ tôi và ba con – một trai và hai gái. Tôi tên Dương. Vợ tôi tên Cúc. Con đầu tôi tên Hùng, con gái giữa tên Hoa và con gái út tên Hạnh. Vợ tôi không đi làm. Hùng ra trường năm ngoái. Hoa và Hạnh đang đi học.*

Practice **5-8:** Some of the answers need your own information. Please add.

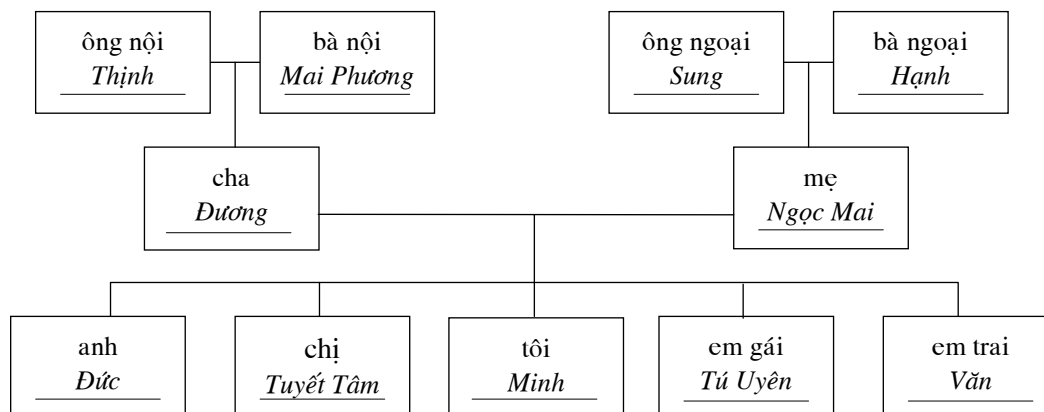
- |  |                                    |
|--|------------------------------------|
| 1. Hình gia đình của chị Mai.              | 2. Chị Tâm là bạn của chị Mai.     |
| 3. Anh Nam là chồng chị Mai.               | 4. Chị Mai có ba người con.        |
| 5. Con của chị Mai tên Loan, Liên và Tuấn. | 6. Loan là con đầu của chị Mai.    |
| 7. Liên là tên con gái.                    | 8. Con út của chị Mai là con trai. |
| 9. Con út của chị Mai tên là Tuấn.         | 10. Mai là bạn của Tâm.            |

VIETNAMESE FOR BUSY PEOPLE 1 – ANSWERS TO PRACTICES – **LESSON 5:**

11. Gia đình của chị Mai trông hạnh phúc. 12. Tôi là con thứ \_\_\_\_\_ trong gia đình.  
 13. Tôi có \_\_\_ người anh và \_\_\_ người chị. 14. Tôi có \_\_\_\_\_ em gái và \_\_\_\_\_ em trai.  
 15. Two possible answers: - Dạ, phải, tôi là con một.  
 Or: - Dạ không phải, tôi là con thứ \_\_\_\_\_ trong gia đình.

- Practice **5-9:**
1. Chị Tư nói chuyện với ông Ba
  2. Ông Ba hỏi về đứa con đầu của chị Tư.
  3. Người đó sang năm ra trường.
  4. Chị Tư đang đi chợ.
  5. Ông Ba cũng đang đi chợ.
  6. Answer varies.
  7. Chị Mai có bốn anh chị em.
  8. Chị Mai không có cô, bác.
  9. Vì cha của chị Mai là con một.
  10. Cha của John có một người em trai.
  11. Mẹ của John có một người em gái.
  12. Dì là em của mẹ.
  13. Cô là em của cha.
  14. Thím là vợ của chú.
  15. Dượng là chồng của cô, dì hoặc cha ghê.
  16. Bà ngoại là mẹ của mẹ tôi.
  17. Ông ngoại là cha của mẹ và ông nội là cha của cha tôi.
  18. Cậu của người ấy và cô tôi là hai anh em.
  19. Ông ấy là anh chúng tôi.

Practice **5-10:** Answer may vary. Here is an example:



- Practice **5-11:**
1. được
  2. phải
  3. bị
  4. phải
  5. được
  6. bị
  7. trông
  8. đã
  9. đi
  10. nghe/nhé
  11. vậy/đó
  12. Vậy à
  13. nghe/nhé
  14. nghe/nhé
  15. Bao giờ
  16. Bao giờ
  - 17\*. missing
  18. chưa
  19. bao giờ
  20. được/à
  21. phải
  22. được
  23. bị
  24. nghe/nhé
  25. đó/đấy.
  26. Vậy à/Thế à/à
  27. đó
  28. à
  29. à
  30. phải
- \* Please add: Anh không thấy họ nhìn anh à ?

Practice **5-12:** Answers may vary. This is just a sample.

*Đại gia đình tôi rất đông người. Ông nội tôi có 8 người con. Cha tôi là con thứ sáu. Cha tôi có năm người chị và một người em gái. Cha tôi đi làm, còn mẹ tôi ở nhà. Tôi là con thứ nhì. Tôi có một người anh và một em gái. Anh tôi đã ra trường và đang đi làm. Tôi cũng đang đi làm. Em gái tôi còn đi học. Ông bà nội, cha mẹ chúng tôi rất thương chúng tôi. Chúng tôi cũng rất thương ông bà nội và cha mẹ. Đại gia đình chúng tôi thật hạnh phúc.*

crossword puzzle (You can print the puzzle and complete it.)

**LESSON #5**

**ACROSS**

- 2. grandparents on mother’s side
- 3. mother’s brother
- 4. child
- 6. father’s older brother
- 9. it’s what he is called
- 10. young brother
- 11. after today

**DOWN**

- 1. siblings
- 4. opposite of my mom
- 5. grandparents on mother’s side
- 8. my father’s younger brother and his wife
- 10. relatives

